TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 715/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 06 - 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai
2. Bà Châu Thị Lệ

Thư ký phiên toà: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2025, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2025/QĐST- HNGĐ ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: 16/157 T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Ông Phan Tiến D; địa chỉ: 16/157 T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 17 tháng 02 năm 2025 cùng các tài liệu chứng cứ nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Tiến D tự nguyện chung sống năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian sống chung giữa bà H và ông D có 03 con chung tên Phan Thị Thùy L; sinh ngày 30/03/2007 (đã trưởng thành); Phan Thái H1; sinh ngày; 05/03/2009 và Phan Tiến M; sinh ngày 11/11/2015. Cuộc sống gia đình thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về cuộc sống, kinh tế và các vấn đề khác trong gia đình, trầm trọng xảy ra xung đột, ông D có tác động vật lý đến bà H.

Hiện bà H và ông D đã ly thân nên không thể nói chuyện và cùng nhau giải quyết việc gia đình.

Tại phiên họp, bà H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Phan Tiến D để bà được an tâm trong cuộc sống.

Về con chung: Bà H và ông D có 03 người con chung tên Phan Thị Thùy L; sinh ngày 30/03/2007 (đã trưởng thành); Phan Thái H1; sinh ngày; 05/03/2009 và Phan Tiến M; sinh ngày 11/11/2015. Bà H tôn trọng ý kiến của các con và yêu cầu nuôi dưỡng trực tiếp trẻ Phan Tiến M. Ông D nuôi dưỡng trực tiếp trẻ Phan Thái H1.

Tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phan Tiến D trình bày:

Ông D và bà H có đăng ký kết hôn vào năm 2006 và chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống có 03 người con chung tên Phan Thị Thùy L, sinh ngày 30/03/2007 (hiện đã trưởng thành), Phan Thái H1 sinh ngày 05/03/2009 và Phan Tiến M, sinh ngày 11/11/2015.

Trong hôn nhân, ông D và bà H có xảy ra mâu thuẫn như lời bà H trình bày, ông D cho rằng việc cãi vã và bất đồng quan điểm là chuyện không tránh khỏi trong hôn nhân. Trong thời gian Tòa án hòa giải, ông D xác nhận không thể trò chuyện, hòa giải với bà H. Do đó, ông D không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Ông D cũng không đồng ý ký bất kì biên bản nào của Tòa án, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xử vắng mặt trong các buổi giải quyết tiếp theo.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Phan Thị Thùy L, sinh ngày 30/03/2007 hiện đã trưởng thành, Phan Thái H1 sinh ngày 05/03/2009 và Phan Tiến M, sinh ngày 11/11/2015. Ông D tôn trọng ý kiến của các con và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tải sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhận thấy đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, ngoài các chứng cứ do đương sự cung cấp thể hiện trong hồ sơ vụ án, Tòa án chỉ lập biên bản hòa giải, các đương sự ghi bản tự khai, đây là hoạt động có tính chất đặc thù trong quá trình giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật nên không coi là hoạt động thu thập chứng cứ. Do đó, trường hợp này Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Toà án nhân dân quận G giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đơn phương ly hôn, bị đơn có cư trú tại quận G. Căn cứ các Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phan Tiến D hiện cư trú tại địa phương, Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông D vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị H và ông Phan Tiến D tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G theo giấy chứng nhận số 156 quyển số 01/2006, ngày 29/12/2006. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông D là có cơ sở được qui định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Tiến D, hiện sống ly thân không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau trong gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Quá trình hoà giải ông Phan Tiến D thừa nhận lời trình bày của bà H là đúng, bản thân ông không thể nói chuyện, hoà giải được với bà H nhưng ông D không đồng ý thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt ông theo quy định pháp luật, chứng tỏ ông D không còn tha thiết hoà giải, quan tâm đến gia đình. Nên Hội đồng xét thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Tiến D mâu thuẫn đã lâu, cuộc sống chung không thể hòa giải. Hiện cả hai đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Thị Thùy L; sinh ngày 30/3/2007 (đã trưởng thành). Bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phan Tiến M; sinh ngày 11/11/2015 và ông D trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phan Thái H1; sinh ngày

05/03/2009, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 trẻ. Nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng cho con: Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Tiến D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về Tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Tiến D (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 156 quyển số 01, ngày 29/12/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G hết hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Thị Thùy L; sinh ngày 30/3/2007 (đã trưởng thành). Giao bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phan Tiến M; sinh ngày 11/11/2015 và ông Phan Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phan Thái H1; sinh ngày 05/03/2009.

Ông D, bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí HNST là 300.000 đồng, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0057458 ngày 05/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát;
- Chi cục THA Q.G;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- LưuVP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA